

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/KDTM-ST

Ngày: 20-12-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc;

Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH A; trụ sở: Số 01 Vsip II-A, đường số 15, phường V, thị xã T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Anh Cao Văn Đ, sinh năm 1994, địa chỉ: Số 10, đường N, phường P, thành phố T, tỉnh B; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/3/2021). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH H; địa chỉ: Số 295/9B, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông H, sinh năm 1958; thường trú: No. 69, J St., N District, K City, 811, Đ, T; chỗ ở: Số 295/9B, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B; chức danh: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 24-3-2021, Đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 27/4/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH A trình bày:

Do có quan hệ quen biết và đều là những thương nhân Đài Loan qua Việt Nam đầu tư nên người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH A (sau đây gọi tắt là Công ty A) có thỏa thuận với người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH H (sau đây gọi tắt là Công ty H) về việc Công ty A sẽ cung cấp hàng hóa cho Công ty TNHH H. Loại hàng hóa là: Băng keo các loại. Hình thức đặt hàng: Công ty H đặt hàng qua fax, điện thoại sau đó Công ty A giao hàng tại Công ty H và ký nhận hàng. Từ số lượng hàng hóa giao thành công theo lệnh đặt hàng như trên, Công ty H cho nhân viên đến nhận hàng, ký phiếu giao nhận hàng. Hàng tháng Công ty A tổng hợp tiền hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên mua thông qua hình thức hóa đơn điện tử. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản qua tài khoản của Công ty A. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 120 ngày kể từ khi xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Hai bên không thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán. Hợp đồng mua bán hàng hóa được giao kết qua thỏa thuận miệng và thực hiện từ năm 2016 đến nay, không lập thành văn bản.

Trong các lần giao hàng từ năm 2019 đến đầu năm 2021, Công ty A luôn cung cấp đúng số lượng, chất lượng theo đơn đặt hàng của Công ty H. Tuy nhiên tính tới ngày 25/02/2021, Công ty H còn nợ Công ty A tổng số tiền hàng là 839.678.683 đồng. Những lần giao dịch này được thể hiện qua các Đơn đặt hàng, Phiếu giao hàng và Công ty A đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty H, cụ thể như sau:

Hóa đơn số 0000967, ký hiệu: AC/19E ngày 28/8/2019, số tiền 50.493.300 đồng.

Hóa đơn số 0000966, ký hiệu: AC/19E ngày 28/8/2019, số tiền 70.782.228 đồng.

Hóa đơn số 0001235, ký hiệu: AC/19E ngày 30/9/2019, số tiền 109.658.208 đồng.

Hóa đơn số 0001234, ký hiệu: AC/19E ngày 30/9/2019, số tiền 10.434.600 đồng.

Hóa đơn số 0001233, ký hiệu: AC/19E ngày 30/9/2019, số tiền 33.662.200 đồng.

Hóa đơn số 0001516, ký hiệu: AC/19E ngày 30/10/2019, số tiền 174.301.908 đồng.

Hóa đơn số 0001517, ký hiệu: AC/19E ngày 30/10/2019, số tiền 33.662.200 đồng.

Hóa đơn số 0001817, ký hiệu: AC/19E ngày 30/11/2019, số tiền 33.662.200 đồng.

Hóa đơn số 0001816, ký hiệu: AC/19E ngày 30/11/2019, số tiền 80.385.272 đồng.

Hóa đơn số 0001915, ký hiệu: AC/19E ngày 10/12/2019, số tiền 57.734.424 đồng.

Hóa đơn số 0002106, ký hiệu: AC/19E ngày 30/12/2019, số tiền 33.128.216 đồng.

Hóa đơn số 0002105, ký hiệu: AC/19E ngày 30/12/2019, số tiền 33.662.200 đồng.

Hóa đơn số 0002322, ký hiệu: AC/19E ngày 31/01/2020, số tiền 67.618.427 đồng.

Hóa đơn số 0002323, ký hiệu: AC/19E ngày 31/01/2020, số tiền 50.493.300 đồng.

Nay nguyên đơn Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty H thanh toán số tiền hàng còn nợ là: 839.678.638 đồng và tiền lãi chậm trả trên nợ gốc tính từ ngày 01/6/2020 (ngày thứ 122 kể từ ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng cuối cùng 31/01/2020) đến ngày xét xử 20/12/2021, với lãi suất 11,5%/năm. Cụ thể: 839.678.638 đồng x 11,5%/năm x 01 năm 06 tháng 19 ngày = 149.630.732 đồng.

- Bị đơn Công ty TNHH H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập đến Tòa án tự khai trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng trong suốt quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc trả số tiền hàng còn nợ và lãi chậm thanh toán có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 02/12/2021, 20/12/2021 nhưng vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của

nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Nguyên đơn Công ty A trình bày về việc có thỏa thuận, giao dịch mua bán hàng hóa với Công ty H, mặc dù không có hợp đồng bằng văn bản nhưng có sự bàn bạc, thống nhất giữa hai bên. Trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là bản sao kê tài khoản ngân hàng thể hiện việc Công ty H thanh toán tiền hàng cho Công ty A từ năm 2016. Căn cứ các Đơn đặt hàng, Phiếu giao hàng, Hóa đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn cung cấp thể hiện tổng số tiền hàng từ tháng 8/2019 đến tháng 01/2020 là: 839.678.683 đồng. Nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa thanh toán tiền hàng đối với những đơn hàng này. Nguyên đơn đã gửi các văn bản yêu cầu thanh toán nợ vào các ngày 24/11/2020, ngày 28/01/2021. Quá trình tố tụng, Tòa án đã giao các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không có ý kiến phản đối, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử nhận định giao dịch hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên là có thật và số tiền hàng mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là 839.678.683 đồng. Căn cứ Đề nghị thanh toán ngày 24/11/2020 do nguyên đơn cung cấp thể hiện: *“Theo thỏa thuận Thanh toán, bên Mua sẽ thanh toán cho bên Bán, chậm nhất trong vòng 120 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng”*. Hóa đơn giá trị gia tăng cuối cùng mà nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 31/01/2020. Như vậy thời hạn thanh toán đối với đợt giao hàng cuối cùng này là ngày 30/5/2020. Nay bị đơn chưa thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà hai bên thỏa thuận và vi phạm quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại. Tại đơn khởi kiện và văn bản trình bày ý kiến, nguyên đơn xác định yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng còn thiếu là 839.678.638 đồng là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

[2.2] Do bị đơn chậm thanh toán tiền hàng nên nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán tính tới ngày xét xử 20/12/2020 là có căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại. Nguyên đơn khai hai bên không thỏa thuận về mức lãi suất chậm thanh toán, do đó sẽ được xác định theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất 11,5%/năm như nguyên đơn yêu cầu phù hợp với lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường mà Tòa án thu thập tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Như vậy, tiền lãi được tính như sau: 839.678.638 đồng x 11,5%/năm x (01 năm 06 tháng 19 ngày) = 149.630.732 đồng.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH H phải chịu theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH A (Vietnam) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 91, 92, 147, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 50, 55 và Điều 306 Luật thương mại 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH H.

Buộc Công ty TNHH H phải thanh toán cho Công ty TNHH A tổng tiền hàng là 839.678.638 (tám trăm ba mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi tám) đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 20/12/2021 là 149.630.732 (một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn bảy trăm ba mươi hai) đồng. Tổng cộng: 989.309.370 (chín trăm tám mươi chín triệu ba trăm lẻ chín nghìn ba trăm bảy mươi) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm : Công ty TNHH H phải chịu 41.679.281 (bốn mươi một triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm tám mươi một) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH A 21.381.000 (hai mươi một triệu ba trăm tám mươi một nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0049606 ngày 14/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân